

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/12/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC4+RCDM	7:25	11+6+4	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
2		VSP02+TD5	7:25	21+0	0+0		21+1	0+0	
3		PVD8+RP3	7:25	5+12	0+0		4+15	0+0	ec
4		RC5+RC6+RC8	9:25	9+8+4	0+0+0		5+7+7	0+0+0	
5		TD2+P11+RP1	9:25	5+4+11	0+0+0		2+0+16	0+0+0	
6		RP3+BK4	9:25	18+0	0+0		18+1	0+0	ec
7		VSP02+RC4+RCDM	11:25	11+2+4	0+0+0		10+2+10	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RP1 - RC4 - RCDM	CREW: QVIỆT - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1	VNHS FLIGHT: TM25/4997		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TSOPANOV A.B	RP1	52	1	11			97	KH-THAC	Russian
2	KOROGLUEV P.G	RP1	56	1	6			77	KH-THAC	Russian
3	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	50	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUANG TÙNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	53-54	2	15			84	KH-THAC	Vietnamese
6	TAO QUANG NGÂN	RP1	58	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG THE HAI	RP1	57	1	10			68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VAN TRUONG	RP1	49	1	4	3	24	68	KH-THAC	Vietnamese
9	LE MANH HUNG	RP1	55	1	5	1	15	82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	51	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	59	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT THANH	RC4						71	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG QUỐC VĂN	RC4	10-11	2	7	2	40	59	CNSG	Vietnamese
14	HOANG VAN TUNG	RC4						80	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH DŨNG*	RC4	12	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HAI ANH	RC4	13-14	2	20			73	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN HUNG	RC4	08-09	2	17			71	KH-THAC	Vietnamese
18	KRAPIVKA V.S	RCDM	61	1	2			93	KH-THAC	Russian
19	MIRSAIAPOV R.R	RCDM	63	1	2			106	KH-THAC	Russian
20	OPARIN A.A.	RCDM	62	1	3			76	KH-THAC	Russian
21	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	65-66	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	11	839	11	72	4	39	12		
2	RC4	6	432	7	53	2	40	5		
3	RCDM	4	347	5	26	0	0	5		
TOTAL		21	1.618	23	151	6	79	22		
WEIGHT KG			1.618		151		79			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

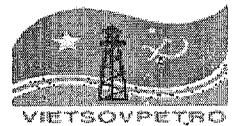
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:VSP02 - TD5	CREW: NAM - LINH - HUY	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/4999	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	YANDYAN EDUARD	VSP02	56-57	2	21			84	KH-THAC	Russian
2	GURIN V.V	VSP02	55	1	12			99	KH-THAC	Russian
3	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	71	1	5			96	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ QUANG HÙNG	VSP02	61-62	2	14			69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG LONG*	VSP02	64-65	2	9			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN HIỆP*	VSP02	58	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÌNH TRƯƠNG PHI	VSP02	67	1	9			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	59	1	4			59	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	79	1	8			58	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CHIẾN THĂNG	VSP02	76	1	4	1	10	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	63	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HOANG	VSP02	68-69	2	15			91	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH DAN	VSP02	72	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HỮU ĐẠT*	VSP02	66	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	73-74	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	80	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG TẤN*	VSP02	70	1	6			90	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	75	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC CHIÊN*	VSP02	60	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	77	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH QUÂN	VSP02	78	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	21	1.590	26	176	1	10	21		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.590	26	176	1	10	22		
WEIGHT KG			1.590		176		10			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:40
B.CARD:	TO: PVD8 - RP3	CREW: LTUẤN - VLINH	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3 <i>VANG-1</i>		VNHS FLIGHT: TM25/5007	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRẦN VĂN NGŨ	PVD8	72-73	2	14	2	14	83	VŨ GIA	Vietnamese
2	HOANG NHẬT ANH	PVD8	71	1	5			53	VŨ GIA	Vietnamese
3	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG*	PVD8	70	1	13			75	KHOAN	Vietnamese
4	YEE SOON WEI	PVD8	76-77	2	17			66	SCHLUMBE	Bruneian
5	AZROY BIN MOHD SAAD	PVD8	74-75	2	11			90	SCHLUMBE	Malaysian
6	VŨ TRUNG KIẾN*	RP3	63	1	12			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	66	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
8	VOEVODCHENKOV	RP3	59	1	7			103	KH-THAC	Russian
9	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	68-69	2	12			88	KH-THAC	Vietnamese
10	MAI NGỌC THIẾT*	RP3	60	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	67	1	20			68	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	64	1	3	2	17	77	KHI	Vietnamese
13	BUI VĂN TUẤN	RP3	56	1	6			71	KHI	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN HỮU	RP3	57-58	2	9			71	KHI	Vietnamese
15	HUYNH NGỌC BÍCH	RP3	61-62	2	12			70	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH NAM	RP3	65	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	70	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	367	8	60	2	14	4		
2	RP3	12	927	15	102	2	17	15		
TOTAL		17	1.294	23	162	4	31	19		
WEIGHT KG			1.294		162		31			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: RC5 - RC6 - RC8	CREW: VIỆT - N.CƯỜNG - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/4998	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KURPASOV V.A.	RC5				1	11	80	KH-THAC	Russian
2	LÊ VĂN TOÀN	RC5	28	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	30	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH PHƯƠNG QUY	RC5	27	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TRUNG	RC5	32	1	8			80	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HOANG TUNG	RC5	31,33	2	15			72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THƯỢNG	RC5	34	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRUNG SON	RC5	29	1	8			68	PSV	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN TÙNG	RC6	48	1	2	2	35	62	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN GIÁP TUẤT	RC6	49	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	42-43	2	9			79	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KIEM BẠC*	RC6	45	1	11			79	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HOANG THÔNG	RC6	47	1	17			87	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HUY	RC6	44	1	18			84	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THÀNH CÔNG	RC6	41	1	11			59	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN HUÂN	RC6	46	1	6			72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TIẾN TUỆ	RC8	45	1	13			69	KH-THAC	Vietnamese
18	VU QUANG TUYẾN	RC8	44	1	12			100	KH-THAC	Vietnamese
19	TRANG NGỌC HÙNG	RC8	42	1	14			70	KH-THAC	Vietnamese
20	TÔ CÔNG TẤN	RC8	43	1	5			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC5	8	573	8	53	1	11	5		
2	RC6	8	591	9	81	2	35	7		
3	RC8	4	303	4	44	0	0	7		
TOTAL		20	1.467	21	178	3	46	19		
WEIGHT KG			1.467		178		46			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD2 - P11 - RP1	CREW: NAM - LINH - HUY	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 5		VNHS FLIGHT: TM25/5000	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	VŨ HỮU KẾ	TD2	61-63	3	18			83	KHOAN	Vietnamese
2	LẠI CAO THANH	TD2	67	1	12			63	KHOAN	Vietnamese
3	CHU QUANG SON*	TD2	66	1	11			75	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN QUÂN	TD2	64-65	2	16			72	KHOAN	Vietnamese
5	DUONG QUỐC VIỆT	TD2	68	1	9			62	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ TRUNG KIẾN	P11	27	1	14	3	55	77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN GIA CUÔNG	P11	32	1	12			69	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ HỒNG QUÂN	P11	30-31	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ QUANG ĐẠO	P11	28-29	2	20			80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	38	1	5	1	6	103	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU HÀ	RP1	34-35	2	11			66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	43	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	37	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RP1	29	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH DŨNG	RP1	39-40	2	10			86	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH VĂN THUẬN	RP1	32-33	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LỢI	RP1	36	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN BA QUY	RP1	31	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẠO QUYẾT THẮNG	RP1	41	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẠO ĐỨC ĐÔNG	RP1	42	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD2	5	355	8	66	0	0	2		
2	P11	4	309	6	61	3	55	1		
3	RP1	11	818	14	94	1	6	16		
TOTAL		20	1.482	28	221	4	61	19		
WEIGHT KG			1.482		221		61			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

TRẦN HỒNG NAM

NGÔ VĂN LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:RP3 - BK4	CREW: LTUÂN - VLINH	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 6		VNHS FLIGHT: TM25/5008	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LUƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	12	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN THANH CÔNG	RP3	01	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN HIẾN	RP3	16	1	10			52	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	09	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC HUY	RP3	15	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HUNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGUYỄN HAI DƯƠNG	RP3	11	1	4			86	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	14	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC OANH	RP3						66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TỬ HAI	RP3						66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	13	1	9			59	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THANH HOÀI	RP3	10	1	5			107	KH-THAC	Vietnamese
13	VU THANH LONG	RP3	05-06	2	11			88	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ANH DỪNG	RP3						70	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC ANH	RP3	03	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	RP3	04	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM THẾ PHONG	RP3	02	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	07-08	2	17			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	18	1.257	16	103	0	0	18		
2	BK4	0	0	0	0	1	8	1		
TOTAL		18	1.257	16	103	1	8	19		
WEIGHT KG			1.257		103		8			

GRAND TOAL: 1.368 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LUƠNG MẠNH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/12/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO:VSP02 - RC4 - RCDM	CREW: VTHANG - N.ANH - NNAM	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/5001	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	90	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	89	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	85	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH THÈ ANH	VSP02	86	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	87	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN PHU	VSP02	84	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	88	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN MINH ĐỨC	VSP02	11,82-83	3	16			68	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ NGỌC CANH	VSP02	92-93	2	17	4	57	81	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ANH	VSP02	91	1	12			67	CODIEN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC DŨNG	RC4	18	1	11	1	8	60	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VĂN TƯỜNG	RC4	19	1	3			67	PSV	Vietnamese
13	KUSHENKO N.V.	RCDM	70-71	2	12			74	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN VĂN QUY	RCDM	69	1	13			82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	67-68	2	9			85	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG HIỆU	RCDM	64	1	11			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	10	683	13	75	4	57	10		
2	RC4	2	127	2	14	1	8	2		
3	RCDM	4	301	6	45	0	0	10		
TOTAL		16	1.111	21	134	5	65	22		
WEIGHT KG			1.111		134		65			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG
NGHIÊM VIỆT ANH